

Bản án số: **235/2026/HS-ST**  
Ngày : 14/5/2026

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Hiếu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Hữu Thu Thủy
2. Ông Võ Văn Hưởng

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên

**- Đại diện Phân trại tạm giam B – Trại tạm giam Chí H dẫn giải bị cáo đến tham gia phiên tòa tại điểm cầu Thành phần:**

Ông Hồ Đình H1 – Phó Trưởng Phân trại tam giam B – Trại tam giam C.

Ông Tổng Xuân H2 – Cán bộ Phân trại tam giam B – Trại tam giam C.

Ông Lê Ngọc H3 – Cán bộ Phân trại tam giam B – Trại tam giam C.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Phân trại tạm giam B (cơ sở 2) – Trại tạm giam Chí Hòa, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai và trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 195/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

**Ngô Ngọc Trung D**, sinh ngày 22/6/1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079084001774; Nơi đăng ký thường trú: 6 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Shipper Ahamove; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Ngọc T (chết) và bà: Vũ Thị T1; Vợ, con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tam giữ, tam giam từ ngày 01/8/2025. Có mặt.

- *Bị hại*: Chị Phạm Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 2004; Nơi cư trú: C N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 25 phút ngày 01/8/2025, Ngô Ngọc Trung D điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 52P6-0114 đi trên đường H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh để đi giao hàng. Khi đến trước số D H, D phát hiện chị Phạm Nguyễn Ngọc D1 ngồi trên xe sát lề đường bên phải, đang sử dụng điện thoại trên tay. D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị D1 bán lấy tiền tiêu xài. Do lúc này D vừa chạy xe gắn máy phía trên nơi chị D1 đứng khoảng 03 mét nên D dừng xe và cho lùi xe về sau (vẫn nổ máy xe) dừng lại song song phía bên trái chị D1. Lợi dụng lúc chị D1 mất cảnh giác, D liền dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại của chị D1. Khi D vừa chạm vào phần trên điện thoại thì chị D1 giữ lại được điện thoại và kéo lại về phía mình nên D không giật được. Chị D1 tri hô “Cướp, cướp”. Du định tăng ga xe bỏ chạy thì bị chị D1 dùng tay nắm lấy dây màu xanh ở phần sau xe của D kéo lại đồng thời nắm được cổ áo của D từ phía sau. Cùng lúc này, Tổ tuần tra Công an Phường H đang trên đường tuần tra, phát hiện không chế bắt giữ Du đưa về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Ngọc Trung D thừa nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai của D phù hợp với hình ảnh trích xuất camera, lời khai bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 05/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Phường H kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 13 màu trắng trị giá 8.300.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Nguyễn Ngọc D1 không yêu cầu bồi thường.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng là tài sản bị chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị Phạm Nguyễn Ngọc D1.

- 01 áo khoác màu cam - xanh dương, 01 nón bảo hiểm màu cam là trang phục của D mặc khi phạm tội.

- 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số: 52P6-0114 thu giữ của Du, là phương tiện phạm tội. Qua giám định số khung, số máy không thay đổi. Kết quả xác minh chiếc xe do bà Vũ Thị T1 (mẹ của D) đứng tên chủ sở hữu. Bà T1 khai đưa chiếc xe gắn máy trên cho D mượn làm phương tiện đi làm, bà không biết D dùng xe vào việc phạm tội, phù hợp với lời khai của D. Việc D sử dụng đi cướp giật bà không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe gắn máy trên cho bà T1.

Tại bản cáo trạng số 305/CT-VKSKV4 ngày 01 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Ngô Ngọc Trung D về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị cáo có sức khỏe yếu do bị bệnh từ nhỏ, **bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt**, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025, xử phạt bị cáo mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 01/8/2025 bị cáo Ngô Ngọc Trung D đã có hành vi điều khiển xe gắn máy rồi công khai giật lấy 01 điện thoại di động Iphone 13 màu trắng trị giá 8.300.000 đồng của chị Phạm Nguyễn Ngọc D1. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, là tình tiết định khung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Do bị cáo vừa chạm tay vào chiếc điện thoại thì bị hại đã giữ và giật lại được nên hành vi của bị cáo được xác định là “Phạm tội chưa đạt” quy định tại Điều 15

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025, là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi cướp giật tài sản của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị nhưng do tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị cáo có sức khỏe yếu do bị bệnh từ nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Nguyễn Ngọc D1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 áo khoác màu cam - xanh dương và 01 nón bảo hiểm màu cam thu giữ của bị cáo, xét thấy đây là những vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15; Điều 57; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo: Ngô Ngọc Trung D **03 (ba) năm 03 (ba) tháng** tù về tội “Cướp giật tài sản” (phạm tội chưa đạt).

Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo khoác màu cam - xanh dương, 01 nón bảo hiểm màu cam.

(Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số **273/BB/2026** ngày **08/5/2026** giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

**3.** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại;
- TTG Chí Hòa – PTTG Bình Thới;
- Cơ quan CSĐT CATP.HCM (PC02);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Hiếu Hạnh**